

Số: 2586/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 14 tháng 11 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án “Khu nhà ở thương mại tại thôn Đà Giang, xã Nguyên Xá,  
huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình”**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 2618/STNMT-CCBVMT ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu nhà ở thương mại tại thôn Đà Giang, xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình”;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 580/TTr-STNMT ngày 03 tháng 11 năm 2022.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu nhà ở thương mại tại thôn Đà Giang, xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Thành Đạt thực hiện tại thôn Đà Giang, xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Công ty Cổ phần Thành Đạt có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

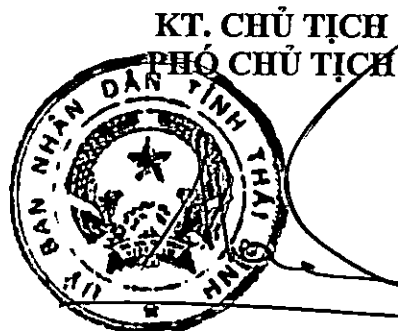


**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan và người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thành Đạt chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . / h

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT



Lại Văn Hoàn



**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
(Kèm theo Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**1. Thông tin về dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Khu nhà ở thương mại tại thôn Đà Giang, xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- Địa điểm thực hiện dự án: Thôn Đà Giang, xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- Chủ dự án: Công ty CP Thành Đạt.

- Địa chỉ: Nhà ông Phạm Văn Chiến, thôn Hữu, xã Mê Linh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

**1.2. Phạm vi, quy mô của dự án:**

Tổng diện tích đất toàn khu là 45.247,0 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Đất xây dựng đường giao thông là 16.416,0 m<sup>2</sup>, đất hạ tầng kỹ thuật, xử lý nước là 2.570,0 m<sup>2</sup>, đất cây xanh, công viên là 4.430,0 m<sup>2</sup>.

- Đầu tư xây dựng công trình nhà ở: Diện tích đất xây dựng là 20.943,0 m<sup>2</sup>, bao gồm 183 căn nhà liên kế và 06 căn nhà ở biệt thự, có mật độ xây dựng khoảng 80%, chiều cao công trình tối đa 3 tầng, trong đó dự án chỉ thực hiện xây thô, hoàn thiện mặt tiền các lô đất có mặt tiền tiếp giáp với tuyến đường quy hoạch số 1 trong khu vực quy hoạch.

- Công trình thương mại dịch vụ: Diện tích xây dựng là 888,0 m<sup>2</sup>, số tầng cao 5-7 tầng, mật độ xây dựng 50%. Chủ đầu tư bàn giao cho nhà đầu tư thứ cấp được phép đầu tư theo quy định của pháp luật.

**1.3. Công nghệ sản xuất: Không có**

**1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:**

**- Các hạng mục công trình chính:**

+ San lấp mặt bằng các khu vực: Khu đất công trình công cộng, khu dân cư quy hoạch, khu đất hạ tầng kỹ thuật với tổng diện tích san lấp là 44.536,23 m<sup>2</sup>.

+ Xây dựng các tuyến đường giao thông nội bộ: Tổng diện tích 16.416,0 m<sup>2</sup> với 2 tuyến đường: Đường quy hoạch số 1: Chiều rộng mặt cắt ngang đường 16,5 (m), bề rộng lòng đường 10,5 (m), bề rộng vỉa hè 2x3(m), chiều dài 722,1 (m); Đường quy hoạch số 2: Chiều rộng mặt cắt ngang đường 11,5 (m), bề rộng lòng đường 5,5 (m), bề rộng vỉa hè 2x3(m), chiều dài 418,6 (m).

+ Xây dựng công trình nhà ở: Xây thô, hoàn thiện mặt tiền các lô đất có mặt tiền tiếp giáp với tuyến đường quy hoạch số 1.

- Các hạng mục công trình phụ trợ:

+ Hệ thống cấp nước: Nguồn cấp nước cho khu vực quy hoạch lấy từ đường ống cấp nước sạch của Nhà máy nước thị trấn Đông Hưng.

+ Hệ thống cấp điện: 01 trạm biến áp 250-320 KVA; hệ thống điện hạ thế sử dụng cáp ngầm 0,4KV; hệ thống chiếu sáng và cột đèn trang trí.

+ Cây xanh, công viên: Thiết kế hoàn chỉnh hệ thống công viên, cây xanh khu vực và có bố trí điện trang trí trong khu công viên trên phần diện tích 4.430,0m<sup>2</sup>.

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; trạm xử lý nước thải tập trung công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày (diện tích 335 m<sup>2</sup>)

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên, việc chuyển đổi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

**2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:**

- Trong giai đoạn xây dựng: Bụi và khí thải từ các hoạt động san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển, tập kết vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; thực vật từ quá trình phát quang mặt bằng, đất thải từ quá trình bóc tách lớp hữu cơ, chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông của người dân, mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại.

**3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:**

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị khoảng 1,8 m<sup>3</sup>/ngày; nước thải từ quá trình rửa xe vận chuyển khoảng 2,2 m<sup>3</sup>/ngày, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, COD; nước thải sinh hoạt khoảng 2,5 m<sup>3</sup>/ngày, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD<sub>5</sub>, COD, SS, amoni, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

+ Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt khoảng 138 m<sup>3</sup>/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD<sub>5</sub>, COD, SS, amoni, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

- Bụi, khí thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, SO<sub>3</sub>, CO, VOC (hơi xăng dầu).

+ Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực; thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, SO<sub>3</sub>, CO, VOC (hơi xăng dầu), mùi hôi phát sinh từ khu xử lý nước thải tập trung.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn sinh hoạt 20 kg/ngày.

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt 756 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải xây dựng 278,2 tấn; thực vật thải từ quá trình phát quang mặt bằng 8,75 tấn; đất thải từ quá trình bóc tách lớp hữu cơ: 23.337 tấn; phế thải từ hoạt động phá dỡ công trình trên đất: 98,88 tấn.

+ Giai đoạn vận hành: Bùn thải phát sinh từ quá trình vận hành trạm xử lý nước thải khoảng 273,75 kg/năm; bùn cặn từ hệ thống thu gom nước mưa, nước thải khoảng 248 kg/năm; than hoạt tính phát sinh từ tháp xử lý khí thải của hệ thống xử lý nước thải khoảng 350 kg/năm.

- Chất thải nguy hại:

+ Giai đoạn xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 395 kg trong suốt quá trình thi công, bao gồm: dầu thải, giẻ lau dính dầu, vỏ thùng sơn, dầu, xi hàn, cặn sơn thải...

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 304 kg/năm (bao gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy thải, pin thải...).

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

- Giai đoạn vận hành: Từ hoạt động của phương tiện giao thông, sinh hoạt của người dân; từ máy móc khu xử lý nước thải.

**4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:**

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh di động để thu gom và lưu chứa chất thải phát sinh, định kỳ 1-2 ngày/lần thuê đơn vị có đủ năng lực thu gom và xử lý theo quy định.

+ Nước thải xây dựng: Nước rửa thiết bị, vệ sinh máy móc được thu gom tái sử dụng; nước thải từ quá trình rửa xe được thu gom, xử lý bằng hệ thống bể tách dầu, bể lắng, nước thải sau xử lý được thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Giai đoạn vận hành:

Hệ thống thu gom nước thải là cống BTCT đúc sẵn D400 với tổng chiều dài cống thu gom là 875 m dẫn về trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải sau khi qua trạm xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) sau đó theo đường ống PVC D110 (L = 222 m) được dẫn thoát ra kênh Thống Nhất tại 01 cửa xả, tọa độ X(m) = 2274303,849; Y(m) = 588595,081 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Song chắn rác → Bể thu gom → Bể điều hòa → Ngăn xử lý thiếu khí → Ngăn xử lý hiếu khí → Ngăn lắng vi sinh → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (Kênh Thống nhất).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: Quây rào bằng tôn chắn xung quanh khu đất, phun tưới ẩm tại các khu vực thi công, lên kế hoạch vận chuyển nguyên vật liệu, thi công hợp lý, che phủ thùng xe trong quá trình vận chuyển, bố trí lịch trình vận chuyển phù hợp, dọn vệ sinh, che phủ các vị trí tập kết nguyên liệu, sử dụng xe vận tải được kiểm định.

- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh trong khu vực dự án; vận hành hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý nước thải bảo đảm xử lý được toàn bộ khí thải phát sinh đạt quy chuẩn quy định; quy định về giao thông trong nội bộ khu vực dự án: các phương tiện không được hoạt động quá tốc độ và tải trọng quy định.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Chất thải sinh hoạt được thu gom vào thùng chứa rác, hợp đồng với tổ vệ sinh môi trường xã Nguyên Xá hàng ngày thu gom xử lý theo quy định.

+ Chất thải xây dựng: Cát, đá, bê tông thừa được sử dụng để san lấp mặt bằng, vỏ bao xi măng, bao bì giấy, sắt thép vụn được thu gom, bán tái chế.

- Giai đoạn vận hành: Rác thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực dân cư và các cơ sở công cộng, thương mại được thu gom, phân loại tại nguồn và chứa trong thùng đựng rác gia đình, được tổ vệ sinh môi trường khu vực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; đối với các công trình công cộng, khu vực cây xanh đặt các thùng rác dung tích 120 lít, có nắp đậy bố trí dọc theo các đường dạo với khoảng cách 100m/1 điểm, mỗi điểm đặt 02 thùng chứa rác có màu khác

nhau để phân loại rác, hàng ngày đội vệ sinh môi trường của xã tiến hành thu gom, vận chuyển để xử lý; bùn thải từ trạm xử lý nước thải: Hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý với đơn vị có đủ năng lực theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Thực hiện thu gom, lưu giữ, xử lý bảo đảm theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt, được phân loại, lưu giữ và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn xây dựng: Sử dụng các thiết bị có mức gây ồn thấp; xây dựng kế hoạch thi công phù hợp; đối với các thiết bị có độ ồn lớn, các thiết bị gây rung sẽ được lắp đặt trên đệm cao su và lò xo chống rung; hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời, bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh xung quanh dự án và xung quanh trạm xử lý nước thải.

Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:**

5.1. Giai đoạn xây dựng:

- Giám sát môi trường không khí xung quanh:

+ Vị trí giám sát: 02 điểm tại điểm đầu và điểm cuối hướng gió.

+ Tần suất: 06 tháng/lần hoặc đột xuất khi có sự cố.

+ Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, tiếng ồn, độ rung.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

- Giám sát chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại về chủng loại, khối lượng, tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

a) Giám sát nước thải sinh hoạt:

+ Số điểm giám sát: 02 điểm;

+ Vị trí quan trắc: Tại vị trí đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt;

+ Tần suất quan trắc: 01 lần/ngày (01 mẫu đơn trước xử lý và 03 mẫu đơn sau xử lý).

+ Thời gian quan trắc: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn ổn định;  
+ Các thông số giám sát: pH; BOD5; TSS; TDS; S<sub>2</sub><sup>-</sup>; NH<sub>4</sub><sup>+</sup>; NO<sub>3</sub><sup>-</sup>; dầu mỡ động thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt; PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>; Tổng coliforms.  
+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A giá trị C<sub>max</sub>, hệ số K=1.

b) Giám sát khí thải:

+ Vị trí quan trắc: Tại ống xả của hệ thống xử lý khí thải;  
+ Tần suất quan trắc: 01 lần/ngày.  
+ Thời gian quan trắc: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn ổn định;  
+ Các thông số giám sát: Lưu lượng, H<sub>2</sub>S, SO<sub>2</sub>, Metyl Mercaptan.  
+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột A giá trị C<sub>max</sub> với hệ số K<sub>p</sub> = 1; K<sub>v</sub> = 1; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

c) Giám sát chất thải:

- Đối với CTR sinh hoạt và CTR thông thường: Giám sát tổng lượng phát sinh theo ngày, tháng; công tác thu gom, tập kết, xử lý hoặc chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng xử lý.

- Đối với CTNH: giám sát việc thu gom, quản lý, xử lý CTNH theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

5.3. Giai đoạn vận hành.

- Thực hiện quản lý, giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Thực hiện giám sát việc thu gom, xử lý của hệ thống xử lý khí thải.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

**6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:**

Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường để được cấp Giấy phép môi trường trước vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định./.